

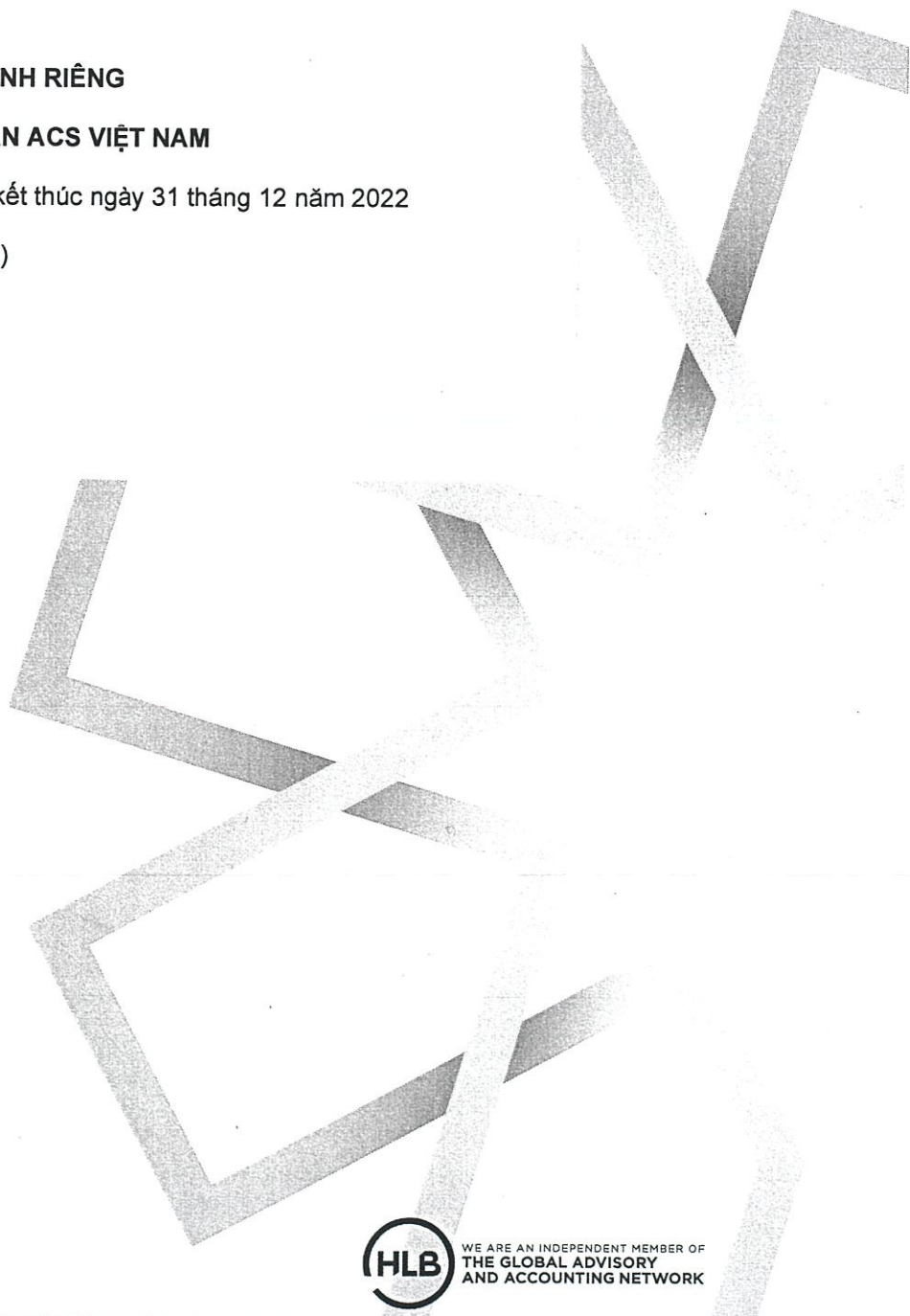


BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ACS VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 28
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 28



Đang chờ ký duyệt

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần ACS Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần ACS Việt Nam tiền thân là Công ty Quảng cáo và Dịch vụ văn hóa được thành lập theo Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 30 tháng 09 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200124348 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14 tháng 10 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 06 tháng 05 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 10 Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thành Phương	Chủ tịch
Ông Trần Bảo Nam	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Trọng Toàn	Thành viên
Bà Phạm Thị Hương	Thành viên
Bà Lê Thị Hoài Thu	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lê Thị Hoài Thu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Kim Loan	Trưởng ban
Bà Đặng Thị Dung	Thành viên
Ông Đỗ Đức Khiêm	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần ACS Việt Nam

Km 10 Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY

CỔ PHẦN

ACS VIỆT NAM

Lê Thị Hoài Thu

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần ACS Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần ACS Việt Nam được lập ngày 31 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần ACS Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần ACS Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Liên quan đến chi phí của Dự án Trung tâm Hội chợ triển lãm Quốc tế Hải Phòng (thông tin chi tiết tại Thuyết minh 14) và nguồn ngân sách đã cấp cho dự án (thông tin chi tiết xem tại Thuyết minh 18), Công ty Cổ phần ACS Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để xác định giá trị được bồi thường của dự án cũng như phương án quyết toán nguồn vốn ngân sách đã được cấp cho dự án.

Như trình bày tại Thuyết minh 33 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (báo cáo tài chính năm trước) đã được Ban Tổng Giám đốc điều chỉnh theo kết quả đánh giá trích lập dự phòng đối với các khoản công nợ tạm ứng tồn đọng kể từ thời điểm có dấu hiệu tổn thất không thể thu hồi và phân loại lại một số khoản mục để có thể so sánh với số liệu năm nay.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần ACS Việt Nam đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính này đã được công ty kiểm toán khác phát hành vào ngày 10 tháng 02 năm 2022 với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần và kèm theo vấn đề cần nhấn mạnh về việc Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các cơ quan có thẩm quyền về giá trị đền bù của Dự án hạ tầng cơ sở Trung tâm hội chợ triển lãm Quốc tế Hải Phòng.



Nguyễn Thanh Tùng

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0063-2023-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Trường Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2290-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		49.856.044.289	44.718.971.379
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	473.974.706	665.897.000
111	1. Tiền		473.974.706	665.897.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	45.754.312.219	40.641.586.301
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		45.754.312.219	40.641.586.301
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.210.886.456	2.921.008.334
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.011.433.333	950.001.799
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	489.221.441	393.640.441
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	7.302.143.864	7.169.278.276
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.438.141.901)	(6.438.141.901)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		846.229.719	846.229.719
140	IV. Hàng tồn kho	9	16.949.080	18.464.830
141	1. Hàng tồn kho		16.949.080	18.464.830
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		399.921.828	472.014.914
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	390.070.379	462.122.718
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	9.851.449	9.892.196
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		124.030.767.391	127.685.206.021
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.000.000	10.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	10.000.000	10.000.000
220	II. Tài sản cố định		55.940.855.412	59.286.324.431
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	55.940.855.412	59.286.324.431
222	- Nguyên giá		98.982.530.588	99.200.562.693
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(43.041.675.176)	(39.914.238.262)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		107.600.000	107.600.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(107.600.000)	(107.600.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	-	111.413
231	- Nguyên giá		242.911.019	242.911.019
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(242.911.019)	(242.799.606)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		57.048.705.736	57.048.705.736
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	57.048.705.736	57.048.705.736
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	11.029.502.069	11.029.502.069
251	1. Đầu tư vào công ty con		18.147.462.096	18.147.462.096
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(7.117.960.027)	(7.117.960.027)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.704.174	310.562.372
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.704.174	310.562.372
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		173.886.811.680	172.404.177.400

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		63.825.665.873	62.942.626.146
310	I. Nợ ngắn hạn		63.825.665.873	62.942.626.146
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	4.674.833.290	4.709.578.496
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		99.000.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	203.123.673	184.387.422
314	4. Phải trả người lao động		133.614.029	166.725.843
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	268.012.200	83.941.060
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.377.896.637	1.839.402.582
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	56.069.186.044	55.958.590.743
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		110.061.145.807	109.461.551.254
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	110.061.145.807	109.461.551.254
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		108.000.000.000	108.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		108.000.000.000	108.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		9.736.252.335	9.736.252.335
415	3. Cổ phiếu quỹ		(140.000.000)	(140.000.000)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(7.535.106.528)	(8.134.701.081)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(8.134.701.081)	(7.022.243.136)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		599.594.553	(1.112.457.945)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		173.886.811.680	172.404.177.400

Nguyễn Thanh Huyền
Người lập biểu

Trần Thị Bình
Kế toán trưởng



Lê Thị Hoài Thu
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022		Năm 2021	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	9.396.227.253	8.391.454.482		
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.396.227.253	8.391.454.482		
11	3. Giá vốn hàng bán	22	9.578.393.982	9.367.242.659		
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(182.166.729)	(975.788.177)		
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	23	2.544.174.070	2.160.648.163		
25	6. Chi phí bán hàng	24	15.703.200	576.636.750		
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1.626.381.099	2.148.682.486		
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		719.923.042	(1.540.459.250)		
31	9. Thu nhập khác	26	39.799.753	1.353.607.498		
32	10. Chi phí khác	27	9.712.921	507.494.428		
40	11. Lợi nhuận khác		30.086.832	846.113.070		
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		750.009.874	(694.346.180)		
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	150.415.321	418.111.765		
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		599.594.553	(1.112.457.945)		
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29				(103)


Nguyễn Thanh Huyền
Người lập biểu


Trần Thị Bình
Kế toán trưởng



Lê Thị Hoài Thu
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		750.009.874	(694.346.180)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		746.186.132	3.223.134.235
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.305.580.432	3.382.155.863
03	- Các khoản dự phòng		-	2.001.626.535
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.559.394.300)	(2.160.648.163)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.496.196.006	2.528.788.055
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		240.456.625	2.600.810.938
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.515.750	341.693.796
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		883.337.656	(2.411.572.674)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		380.910.537	(162.072.092)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(150.713.250)	(327.746.747)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.851.703.324	2.569.901.276
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		55.220.230	605.254.545
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(78.286.080.260)	(67.042.166.301)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		73.234.726.575	61.766.285.600
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.952.507.837	2.160.648.163
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.043.625.618)	(2.509.977.993)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(191.922.294)	59.923.283
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		665.897.000	605.973.717
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	473.974.706	665.897.000

Nguyễn Thanh Huyền
Người lập biểu

Trần Thị Bình
Kế toán trưởng



Lê Thị Hoài Thu
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2022

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần ACS Việt Nam tiền thân là Công ty Quảng cáo và Dịch vụ văn hóa, được thành lập theo Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 30 tháng 09 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200124348 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14 tháng 10 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 06 tháng 05 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 10 Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 108.000.000.000 VND, tương đương 10.800.000 cổ phần, mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 22 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 26 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Cung cấp các dịch vụ quảng cáo, in ấn, tổ chức sự kiện, cho thuê mặt bằng.

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động chính của Công ty là:

- Quảng cáo;
- In ấn;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên chủ đề;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các chi nhánh trực thuộc sau:

Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần ACS Việt Nam - Xí nghiệp In ACS Việt Nam	Km 10 Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	In ấn và kinh doanh vật tư thiết bị ngành in
Chi nhánh Công ty Cổ phần ACS Việt Nam - Trung tâm Quảng Cáo	Km 10 Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ quảng cáo
Chi nhánh Công ty Cổ phần ACS Việt Nam - Trung tâm hội chợ triển lãm Quốc tế Hải Phòng	Km 10 Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Cho thuê mặt bằng, dịch vụ vui chơi giải trí, kinh doanh địa ốc, cho thuê văn phòng, tổ chức hội chợ triển lãm; đấu giá; đại lý ô tô và xe động cơ khác; bán lẻ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các chi nhánh của Công ty đang dừng các hoạt động kinh doanh.

Thông tin về các công ty con của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh 04.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con được trích lập khi có dấu hiệu tổn thất dựa trên đánh giá khả năng có thể thu hồi giá trị của các khoản đầu tư vào các công ty con.

2.6 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị khác	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

2.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
--------------------------	-------------

2.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí sửa chữa biển quảng cáo, pano, ... được ghi nhận theo giá trị thực tế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 06 tháng đến 36 tháng.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 06 tháng đến 36 tháng.

2.12 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.14 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí sửa chữa,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.17 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.20 Lãi trên cổ phiếu

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, các công ty con của Công ty vẫn đang dừng hoạt động và đang thực hiện các thủ tục để chấm dứt hoạt động. Công ty chưa thu thập được đầy đủ báo cáo tài chính của các công ty con này để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu được Công ty trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng nhằm mục đích cung cấp thông tin cho người đọc báo cáo tài chính.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	33.574.384	43.065.707
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	440.400.322	622.831.293
	473.974.706	665.897.000

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	45.754.312.219	-	40.641.586.301	-
	45.754.312.219	-	40.641.586.301	-

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 45.754.312.219 VND được gửi tại các ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với lãi suất từ 6,3%/năm đến 10,5%/năm.

b) Đầu tư vào công ty con

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Kinh doanh Vận chuyển hành khách Hải Phòng (i)	17.688.462.096	(7.006.583.994)	17.688.462.096	(7.006.583.994)
Công ty TNHH Thời đại ACS (ii)	459.000.000	(111.376.033)	459.000.000	(111.376.033)
	18.147.462.096	(7.117.960.027)	18.147.462.096	(7.117.960.027)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(i) Công ty Kinh doanh Vận chuyển hành khách Hải Phòng ("Hai Phong Transport") là công ty liên doanh giữa Công ty Newealth International Ltd (Hong Kong) và Công ty Quảng cáo và Dịch vụ Văn hóa Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần ACS Việt Nam), hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 777/GP ngày 28 tháng 02 năm 1994 của Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư. Hoạt động kinh doanh chính của Hai Phong Transport là vận tải. Hiện nay, Hai Phong Transport đã ngừng hoạt động kinh doanh do hết thời gian hoạt động của Giấy phép đầu tư và đang thực hiện các thủ tục để đóng mã số thuế. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty tại Hai Phong Transport là 95%. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá tổn thất đối với khoản đầu tư này để trích lập dự phòng dựa trên giá trị có thể thu hồi từ việc Công ty đang nắm giữ số tiền thu được từ thanh lý tài sản của Hai Phong Transport từ trước năm 2012 (Thuyết minh 18).

(ii) Công ty TNHH Thời đại ACS ("Thời đại ACS") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200849288 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2008. Hoạt động kinh doanh chính của Thời đại ACS là In ấn, quảng cáo, bán buôn máy móc, thiết bị... Hiện nay, Thời đại ACS đã ngừng hoạt động kinh doanh và đang thực hiện các thủ tục để đóng mã số thuế. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty tại Thời đại ACS là 51%. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá tổn thất đối với khoản đầu tư vào Thời đại để trích lập dự phòng dựa theo báo cáo tài chính của công ty con.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Mỹ thuật Quảng cáo Vân Công	111.298.000	(111.298.000)	111.298.000	(111.298.000)
Công ty TNHH Dịch Vụ - Thương mại Bắc Việt	121.347.548	(121.347.548)	121.347.548	(121.347.548)
Công ty Tập đoàn Thương mại và Truyền thông Bắc Hà	56.383.350	(56.383.350)	56.383.350	(56.383.350)
Bệnh viện trẻ em Hải Phòng	299.225.500	-	-	-
Các đối tượng khác	423.178.935	(220.797.575)	660.972.901	(220.797.575)
	1.011.433.333	(509.826.473)	950.001.799	(509.826.473)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dịch vụ Ngô Quyền	241.331.000	(241.331.000)	241.331.000	(241.331.000)
Các đối tượng khác	247.890.441	-	152.309.441	-
	489.221.441	(241.331.000)	393.640.441	(241.331.000)

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022 (đã điều chỉnh)	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về tạm ứng	6.000.423.217	(5.579.691.083)	5.903.174.717	(5.579.691.083)
- Bà Lê Thị Hoài Thu (i)	1.774.636.700	(1.774.636.700)	1.774.636.700	(1.774.636.700)
- Bà Vũ Thị Thu Hồng (i)	3.333.602.483	(3.333.602.483)	3.333.602.483	(3.333.602.483)
- Cá nhân khác	892.184.034	(471.451.900)	794.935.534	(471.451.900)
Phải thu khác	1.301.720.647	(107.293.345)	1.266.103.559	(107.293.345)
- Lãi tiền gửi dự thu	530.294.000	-	-	-
- Ông Đỗ Văn Thịnh	445.624.954	-	445.624.954	-
- Phải thu khác	325.801.693	(107.293.345)	820.478.605	(107.293.345)
	7.302.143.864	(5.686.984.428)	7.169.278.276	(5.686.984.428)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
	10.000.000	-	10.000.000	-
c) Trong đó: Bên liên quan				
Công ty TNHH Thời đại ACS	203.357.678	-	203.357.678	-
Bà Lê Thị Hoài Thu	1.774.636.700	(1.774.636.700)	1.774.636.700	(1.774.636.700)
	1.977.994.378	(1.774.636.700)	1.977.994.378	(1.774.636.700)

(i) Các khoản tạm ứng để thực hiện các dự án đầu tư.

8 NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2022		01/01/2022 (đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Việt	121.347.548	-	121.347.548	-
Công ty Á Châu	220.797.575	-	220.797.575	-
Công ty TNHH Hội chợ Thương mại triển lãm Bắc Hà	56.383.350	-	56.383.350	-
Công ty TNHH Mỹ thuật Quảng cáo Văn Công	111.298.000	-	111.298.000	-
Công ty Xây dựng Dịch vụ Ngô Quyền	241.331.000	-	241.331.000	-
Bà Lê Thị Hoài Thu	1.774.636.700	-	1.774.636.700	-
Bà Vũ Thị Thu Hồng	3.333.602.483	-	3.333.602.483	-
Các đối tượng khác	578.745.245	-	578.745.245	-
	6.438.141.901	-	6.438.141.901	-

9 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	16.949.080	-	18.464.830	-
	16.949.080	-	18.464.830	-

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa	304.185.230	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	85.885.149	462.122.718
	390.070.379	462.122.718
b) Dài hạn		
Sửa chữa tài sản cố định (biển quảng cáo, pano)	1.704.174	310.562.372
	1.704.174	310.562.372

11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND		VND		VND		VND		VND	VND	
Nguyên giá											
Số dư đầu năm	64.369.113.516		1.840.928.609		744.747.636		182.539.542		32.063.233.390		99.200.562.693
- Thanh lý, nhượng bán	-		(37.454.000)		-		-		(180.578.105)		(218.032.105)
Số dư cuối năm	64.369.113.516		1.803.474.609		744.747.636		182.539.542		31.882.655.285		98.982.530.588
Giá trị hao mòn lũy kế											
Số dư đầu năm	26.058.312.009		1.840.928.609		744.747.636		182.539.542		11.087.710.466		39.914.238.262
- Khấu hao trong năm	1.915.540.080		-		-		-		1.389.928.939		3.305.469.019
- Thanh lý, nhượng bán	-		(37.454.000)		-		-		(140.578.105)		(178.032.105)
Số dư cuối năm	27.973.852.089		1.803.474.609		744.747.636		182.539.542		12.337.061.300		43.041.675.176
Giá trị còn lại											
Tại ngày đầu năm	38.310.801.507		-		-		-		20.975.522.924		59.286.324.431
Tại ngày cuối năm	36.395.261.427		-		-		-		19.545.593.985		55.940.855.412

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 9.925.501.209 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 9.595.858.929 VND).

12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và trang Web ACS có tổng nguyên giá là 107.600.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, toàn bộ tài sản cố định vô hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty tại số 77 Đinh Tiên Hoàng, Quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng và nhà số 36 Hoàng Văn Thu, Quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng với mục đích cho thuê. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, bất động sản đầu tư đã được khấu hao hết nên có cùng nguyên giá và hao mòn lũy kế là 242.911.019 VND, khấu hao phát sinh trong năm là 111.413 VND.

14 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tòa nhà đa năng ACS (i)	14.252.215.487	14.252.215.487
Trung tâm Hội chợ triển lãm Quốc tế Hải Phòng (ii)	42.796.490.249	42.796.490.249
	<u>57.048.705.736</u>	<u>57.048.705.736</u>

(i) Dự án Tòa nhà đa năng ACS được UBND thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000159 cho Công ty vào ngày 10 tháng 01 năm 2008. Theo đó, chủ đầu tư của dự án là Công ty Cổ phần ACS Việt Nam; mục tiêu quy mô dự án là đầu tư xây dựng toà nhà cao 25 tầng với các chức năng kinh doanh trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, vui chơi giải trí; dự án được thực hiện tại số 50 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; với tổng vốn đầu tư là 269 tỷ VND, trong đó vốn góp của nhà đầu tư là 80,7 tỷ VND, vốn vay thương mại là 188,3 tỷ VND; thời gian thực hiện dự án là 50 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư; kế hoạch đưa vào khai thác, sử dụng ban đầu là vào tháng 02 năm 2010. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã triển khai, hỗ trợ và thu hồi mặt bằng của 03 hộ dân tầng 1, 10 hộ dân ở tầng 2 và 01 tổ chức phim và chiếu bóng Hải Phòng với tổng số tiền 14,25 tỷ VND, Công ty đang tiếp tục thực hiện công tác thương lượng, đền bù với các hộ dân, tổ chức còn lại trong diện tích đất thu hồi cho dự án cũng như hoàn thiện các thủ tục đầu tư có liên quan.

(ii) Dự án trung tâm Hội chợ triển lãm Quốc tế Hải Phòng của Công ty được phê duyệt đầu tư theo quyết định số 2800/QĐ-UB ngày 14 tháng 11 năm 2002 của UBND thành phố Hải Phòng. Theo đó, địa điểm xây dựng tại đường 353, xã Anh Dũng, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng; diện tích đất sử dụng là 546.647 m², tuy nhiên theo quyết định bàn giao đất số 3415/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2002 của UBND thành phố diện tích đất được thực tế bàn giao là 531.922,2 m²; mục tiêu đầu tư: xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Hội chợ triển lãm Thương mại - Văn hóa thành phố nhằm thu hút mọi nguồn của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, đầu tư xây dựng các phần khu chức năng, đóng góp đẩy mạnh quá trình phát triển kinh tế của Hải Phòng và khu vực Duyên hải Bắc Bộ; vốn đầu tư là 167.833 triệu VND, bao gồm: nguồn vốn ngoài ngân sách gồm vốn tự có, vốn huy động, vốn vay, vốn liên doanh liên kết; và thành phố sẽ hỗ trợ một phần trên cơ sở kế hoạch ngân sách hàng năm được duyệt, được áp dụng cơ chế chính sách đối với các dự án công trình trọng điểm và khuyến khích ưu đãi đầu tư của thành phố. Theo các thông báo hạn mức kinh phí được duyệt số 920/35/NSNN ngày 28 tháng 05 năm 2003, thông báo số 0000872021/88/NSNN ngày 25 tháng 09 năm 2003, số 0000432006/TC-VG/44/NSNN ngày 01 tháng 07 năm 2004, số 0001112009/112/NSNN ngày 03 tháng 12 năm 2003, số 993/42/NSNN ngày 13 tháng 06 năm 2003 và thông báo 0000792028/83/NSNN ngày 08 tháng 09 năm 2003, số tiền ngân sách đã cấp cho công ty để thực hiện dự án là 40.000.000.000 VND (Thuyết minh 18).

Công ty đã thực hiện đầu tư dự án từ năm 2003 đến năm 2016 để hoàn thành giai đoạn 1,2 và 3 của dự án (đền bù giải phóng mặt bằng, san nền, đường giao thông, đường vỉa hè, thoát nước, tường bao quanh...) và chưa hoàn thành toàn bộ dự án. Tuy nhiên đến năm 2017, UBND thành phố Hải Phòng đã ban hành các quyết định về việc thu hồi đất của dự án bao gồm: Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 03 tháng 04 năm 2017, Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 03 tháng 04 năm 2017, Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 27 tháng 06 năm 2017 về việc sửa đổi bổ sung các Quyết định số 727/QĐ-UBND và 730/QĐ-UBND; ban hành thêm Quyết định thu hồi đất số 577/QĐ-UBND ngày 20 tháng 03 năm 2018 và số 1400/QĐ-UBND ngày 21 tháng 06 năm 2018 về việc điều chỉnh Quyết định số 577/QĐ-UBND.

Tổng diện tích đất bị thu hồi theo các quyết định trên là 379.725,2 m² (bao gồm toàn bộ khu hạ tầng kỹ thuật bên ngoài Tòa nhà Trung tâm Hội chợ triển lãm thương mại - văn hóa Hải Phòng). Diện tích còn lại 152.267 m² không bị thu hồi là khu Tòa nhà Trung tâm Hội chợ triển lãm thương mại - văn hóa Hải Phòng (khu nhà cánh diều) mà Công ty đã đầu tư hoàn thành, và ghi tăng tài sản cố định hữu hình từ năm 2005.

Đồng thời trong các quyết định thu hồi đất, UBND thành phố Hải Phòng giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở tài nguyên và Môi trường lập phương án bồi hoàn giá trị đầu tư hợp pháp (nếu có) của Công ty. Thực hiện chỉ đạo của UBND thành phố tại văn bản số 7087/UBND-ĐC2

ngày 17 tháng 10 năm 2017, Trung tâm Phát triển quỹ đất đã ký hợp đồng với Công ty CP Thiết kế và Xây dựng phát triển đô thị Hải Phòng lập dự toán khối lượng san lấp mặt bằng và Công ty CP Xây dựng Đại Phú thẩm tra xác định khối lượng san lấp.

Ngày 15 tháng 03 năm 2019, Sở xây dựng có văn bản số 882/SXD-KTVL về việc tham gia ý kiến thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất của Công ty. Ngày 10 tháng 04 năm 2019, Sở Xây dựng đã ban hành văn bản số 1257/SXD-KTVL về giá trị đền bù san lấp mặt bằng là 74.383.588.000 VND. Ngày 22 tháng 10 năm 2019, Công ty đã có văn bản phản hồi trong đó đồng ý việc đền bù san lấp mặt bằng là 74.383.588.000VND; yêu cầu phần giá trị bồi thường về cây cối là 15.668.000 VND và các chi phí khác đã chi cho việc chuẩn bị đầu tư dự án là 16.699.517.000 VND.

Đến nay, công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố và các cơ quan có liên quan để cung cấp hồ sơ, thống nhất khối lượng, giá trị đền bù.

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dịch vụ Ngô Quyền (i)	3.643.025.335	3.643.025.335	3.643.025.335	3.643.025.335
Công ty TNHH Quảng cáo TST (ii)	806.955.915	806.955.915	806.955.915	806.955.915
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Đắc Ngân	161.477.296	161.477.296	161.477.296	161.477.296
Phải trả các người bán khác	63.374.744	63.374.744	98.119.950	98.119.950
	4.674.833.290	4.674.833.290	4.709.578.496	4.709.578.496
Trong đó: Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty TNHH Quảng cáo TST (ii)	806.955.915	806.955.915	806.955.915	806.955.915
Công ty TNHH thương mại và sản xuất Đắc Ngân	161.477.296	161.477.296	161.477.296	161.477.296
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại LED Việt	48.798.000	48.798.000	48.798.000	48.798.000
Các người bán khác	11.951.950	11.951.950	11.951.950	11.951.950
	1.029.183.161	1.029.183.161	1.029.183.161	1.029.183.161

- (i) Công nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng thi công cho Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm hội chợ triển lãm thương mại - Văn hóa Hải Phòng (Thuyết minh 14). Công ty đang trong quá trình làm việc với Công ty TNHH MTV Xây dựng và Dịch vụ Ngô Quyền để thanh quyết toán các hợp đồng thi công cho dự án.
- (ii) Khoản công nợ chi phí dịch vụ phát sinh từ trước năm 2017 liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ quảng cáo, sẽ được thanh toán khi Công ty TNHH Thời đại ACS (công ty con) thực hiện xong thủ tục giải thể theo thỏa thuận tại Biên bản đối chiếu, bù trừ công nợ ba bên ngày 01 tháng 01 năm 2017 (giữa Công ty TNHH Thời đại ACS, Công ty TNHH Quảng cáo TST và Công ty). Hiện nay, Công ty TNHH Thời đại ACS vẫn chưa thực hiện xong các thủ tục giải thể.

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	40.978.998	628.481.908	613.374.918	-	56.085.988
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	110.412.362	150.415.321	150.713.250	-	110.114.433
Thuế thu nhập cá nhân	9.892.196	-	23.474.646	19.506.709	9.851.449	3.927.190
Các loại thuế khác	-	32.996.062	640.689.000	640.689.000	-	32.996.062
	9.892.196	184.387.422	1.443.060.875	1.424.283.877	9.851.449	203.123.673

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước (đã điều chỉnh)	108.000.000.000	9.736.252.335	(140.000.000)	(7.022.243.136)	110.574.009.199
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(1.112.457.945)	(1.112.457.945)
Số dư cuối năm trước (đã điều chỉnh)	108.000.000.000	9.736.252.335	(140.000.000)	(8.134.701.081)	109.461.551.254
Lãi trong năm nay	-	-	-	599.594.553	599.594.553
Số dư cuối năm nay	108.000.000.000	9.736.252.335	(140.000.000)	(7.535.106.528)	110.061.145.807

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022	Tỷ lệ	01/01/2022	Tỷ lệ
	VND		VND	
Công ty CP Petro Sao Đỏ	55.350.320.000	51,25%	55.350.320.000	51,25%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	32.633.110.000	30,22%	32.633.110.000	30,22%
Bà Đặng Thị Bích Liên	14.568.690.000	13,49%	14.568.690.000	13,49%
Các cổ đông khác	5.447.880.000	5,04%	5.447.880.000	5,04%
	108.000.000.000	100%	108.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	108.000.000.000	108.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	108.000.000.000	108.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10,800,000	10,800,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10,800,000	10,800,000
- Cổ phiếu phổ thông	10,800,000	10,800,000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	12,000	12,000
- Cổ phiếu phổ thông	12,000	12,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10,788,000	10,788,000
- Cổ phiếu phổ thông	10,788,000	10,788,000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu

20 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	2.377.896.637	1.839.402.582

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	2.001.626.535	2.001.626.535

21 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu hoạt động in	-	868.026.622
Doanh thu cho thuê văn phòng, trung tâm hội chợ	4.718.835.995	4.452.953.499
Doanh thu dịch vụ quảng cáo	4.677.391.258	3.070.474.361
	9.396.227.253	8.391.454.482

22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	-	915.640.127
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng, trung tâm hội chợ	6.640.493.972	6.417.854.261
Giá vốn dịch vụ quảng cáo	2.937.900.010	2.033.748.271
	9.578.393.982	9.367.242.659

23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.544.174.070	2.160.648.163
	2.544.174.070	2.160.648.163

24 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.703.200	576.636.750
	15.703.200	576.636.750

25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.104.653.802	1.331.598.886
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	-	1.576.452
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	1.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.963.169	10.213.332
Chi phí khác bằng tiền	491.764.128	804.293.816
	1.626.381.099	2.148.682.486

26 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	15.220.230	759.850.863
Xử lý công nợ	253.526	527.523.343
Thu nhập từ trông xe tổ chức hội chợ	-	8.692.727
Thu nhập khác	24.325.997	57.540.565
	39.799.753	1.353.607.498

27 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	32.934.705
Các khoản bị phạt	2.066.730	81.968.407
Xử lý nợ phải thu không thu hồi được	-	142.170.400
Các khoản khác	7.646.191	250.420.916
	9.712.921	507.494.428

28 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	750.009.874	(694.346.180)
Các khoản điều chỉnh tăng	2.066.730	1.539.819.541
- Chi phí không được trừ	2.066.730	1.539.819.541
Thu nhập chịu thuế TNDN	752.076.604	845.473.361
Thuế TNDN được miễn giảm	-	(50.727.862)
Số tiền phải nộp theo Biên bản thanh tra thuế	-	299.746.474
Chi phí thuế TNDN hiện hành	150.415.321	418.111.765
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	110.412.362	20.047.344
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(150.713.250)	(327.746.747)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	110.114.433	110.412.362

29 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	599.594.553	(1.112.457.945)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	599.594.553	(1.112.457.945)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.786.000	10.786.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	56	(103)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính riêng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	156.229.093	692.523.173
Chi phí nhân công	2.893.466.981	3.314.142.866
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	-	1.576.452
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.305.580.432	3.380.274.263
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	1.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.416.038.236	1.069.359.870
Chi phí khác bằng tiền	2.443.163.539	1.427.958.615
	11.220.478.281	9.886.835.239

31 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài các sự kiện được nêu tại Thuyết minh 33, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính riêng này.

32 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Kinh doanh vận chuyển hành khách Hải Phòng	Công ty con
Công ty TNHH thời đại ACS	Công ty con
Bà Lê Thị Hoài Thu	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Công ty có các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan nêu trên được trình bày tại Thuyết minh 7 và Thuyết minh 18.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	237.250.000	212.400.000
Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc khác	519.428.583	558.247.336

33 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam kiểm toán.

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/BBHĐQT ngày 27 tháng 03 năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty, Biên bản đánh giá khả năng thu hồi hoặc khó thu hồi các khoản tạm ứng ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Hội đồng đánh giá và xác nhận công nợ các khoản tạm ứng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định trích lập dự phòng cho các khoản công nợ tạm ứng tồn đọng có giá trị 5.579.691.083 VND kể từ thời điểm các khoản tạm ứng có dấu hiệu tổn thất không thể thu hồi. Theo đó, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được điều chỉnh theo kết quả của việc đánh giá này. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện phân loại lại số dư từ khoản mục Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn sang Phải trả ngắn hạn khác trên báo cáo tài chính này để đảm bảo có thể so sánh với số liệu năm nay. Cụ thể các điều chỉnh được thực hiện như sau:

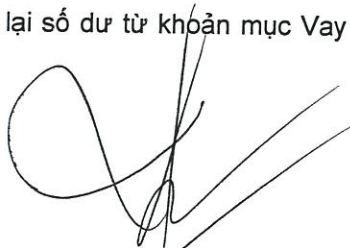
	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch	Ghi chú
		VND	VND	VND	
Bảng cân đối kế toán					
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(858.450.818)	(6.438.141.901)	(5.579.691.083)	(i)
- Tổng cộng tài sản	270	177.983.868.483	172.404.177.400	(5.579.691.083)	(i)
- Phải trả ngắn hạn khác	319	44.239.618.706	55.958.590.743	11.718.972.037	(ii)
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	11.718.972.037	-	(11.718.972.037)	(ii)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(2.555.009.998)	(8.134.701.081)	(5.579.691.083)	(i)
- Tổng cộng nguồn vốn	440	177.983.868.483	172.404.177.400	(5.579.691.083)	(i)

(i) Điều chỉnh theo kết quả đánh giá trích lập dự phòng các khoản tạm ứng tồn đọng.

(ii) Điều chỉnh phân loại lại số dư từ khoản mục Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn sang Phải trả ngắn hạn khác.



Nguyễn Thanh Huyền
Người lập biểu



Trần Thị Bình
Kế toán trưởng



Lê Thị Hoài Thu
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2023

**CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

22-11-2023

SỐ... 156/15... QUYẾT SỐ... 1... SCT/BS
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG VĨNH NIỆM



PHÓ CHỦ TỊCH
Phạm Thị Lan Anh

